

Bản án số: **42/2025/DS-ST**

Ngày: 21 - 8 - 2025.

Về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Anh NGuyễn Văn N (Thêm), sinh ngày 20/3/1985

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. Chị Lư THị Hồng H, sinh ngày 02/02/1983

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện ở: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu N, sinh ngày 23/8/1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn **khởi kiện** đề ngày 11/02/2025, bản tự khai ngày 16/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn anh N, chị H trình bày:

Vì là chỗ hàng xóm, láng giềng nên vợ chồng tôi có cho vợ chồng chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu N vay nhiều lần tiền, với tổng số tiền là 510.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- + Ngày 10/01/2023: Vay 50.000.000 đồng.
- + Ngày 20/01/2023: Vay 50.000.000 đồng.
- + Ngày 12/12/2023: Vay 40.000.000 đồng.
- + Ngày 20/04/2024: Vay 20.000.000 đồng.
- + Ngày 14/6/2024: Vay 60.000.000 đồng.
- + Ngày 15/06/2024: Vay 20.000.000 đồng.
- + Ngày 17/6/2024: Vay 20.000.000 đồng.
- + Ngày 23/6/2024: Vay 20.000.000 đồng.
- + Ngày 30/06/2024: Vay 30.000.000 đồng.
- + Ngày 08/8/2024: Vay 40.000.000 đồng.
- + Ngày 24/8/2024: Vay 20.000.000 đồng.
- + Ngày 26/8/2024: Vay 30.000.000 đồng.
- + Ngày 05/9/2024: Vay 30.000.000 đồng.
- + Ngày 10/9/2024: Vay 10.000.000 đồng.
- + Ngày 22/9/2024: Vay 50.000.000 đồng.
- + Ngày 28/9/2024: Vay 20.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay chị A đều có ký tên nhận nợ, vì chị là người trực tiếp đến vay và nhận tiền vay, nhưng anh N đều biết. Việc vay không thỏa thuận thời hạn trả, mà chỉ thỏa thuận khi nào cần lấy lại báo trước 01 tháng, không tính lãi. Đến khi vợ chồng tôi cần tiền xây nhà thì có đòi vợ chồng chị A, anh N trả nợ nhưng vợ chồng anh chị cố tình né tránh không chịu trả.

Mục đích vay: Do anh chị làm nghề kéo lưới tôm (làm chủ), nên chị A nói mượn để bỏ cọc kéo lưới, có khi nói thay bình tích điện kéo lưới, khi thì nói mượn để đầu tư trồng dừa.

Nay vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu N phải liên đới trả số tiền nợ vay vốn gốc là 510.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày mượn nợ cuối 28/9/2024 nhưng tính chẵn từ ngày 01/10/2024 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 10 tháng 20 ngày, tính tròn 10 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể:

$510.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 42.330.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: Vốn gốc và lãi là 552.330.000 đồng.

- **Tại phiên Tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Đối với chị Bùi Thị Kim A là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị đều **vắng mặt**, nên không thu thập được lời khai của chị.*

** Tại phiên Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu N trình bày:*

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh hoàn toàn không biết gì về số tiền nợ vay này, nên anh không đồng ý trả nợ. Trong gia đình, chị A là người quản lý kinh tế tiền bạc, anh làm chủ kéo lưới điện, làm được bao nhiêu tiền về anh đều đưa chị A quản lý hết, mặc dù trước đây giữa anh với vợ chồng nguyên đơn là hàng xóm, có qua lại uống trà với anh N nhưng không có nói gì về tiền bạc, nên anh không biết về số nợ này và cũng không nghe vợ anh nói có mượn nợ. Hiện nay, vợ anh đã vỡ nợ và bỏ chồng con trốn nợ đi đâu anh không rõ; đến khi chủ nợ đến đòi thì anh mới biết, nhưng không biết lý do vì sao vợ anh bị vỡ nợ.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân **khu vực 8 - Vĩnh Long** tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng bị đơn** vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc chị A và anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày 01/10/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, **ý kiến** của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai** để xét xử, nhưng chị vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Kim A là phù hợp quy định tại **điểm b khoản 2** Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh N, chị H khởi kiện yêu cầu chị A và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 510.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** của Bộ luật dân sự năm 2015 và **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 14/02/2025, Công an xã Thanh Trị, tỉnh Vĩnh Long xác nhận anh N và chị A có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp Ao Vuông, xã Thanh Trị, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

* Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của anh N và chị H buộc chị A và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay 510.000.000 đồng và tính lãi suất.

- Cơ sở chứng cứ:

+ Các Giấy nợ.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, xác định giữa anh N, chị H với chị A có giao dịch vay tiền với nhau. Anh N, chị H cho chị A vay nhiều lần tiền từ ngày 10/01/2023 đến ngày 28/9/2024 với tổng số tiền nợ là 510.000.000 đồng, mỗi lần vay hai bên đều có làm giấy tay và chị A có ký xác nhận nợ; không tính lãi suất; không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ nói khi nào cần lấy lại báo trước 01 tháng. Đến khi vợ chồng anh N, chị H cần tiền xây nhà thì có đòi vợ chồng chị A, anh N trả nợ nhưng vợ chồng anh chị cố tình né tránh không trả.

Đối với chị A trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai. Anh N cho rằng hoàn toàn không biết gì về số tiền nợ vay này, nên anh không đồng ý trả nợ.

[4.1]. Xét các tài liệu, chứng cứ do anh N, chị H giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là: Các giấy nợ đều thể hiện nội dung chị A có nhận của anh chị 03 Thêm (tức vợ chồng anh N, chị H) các số tiền vay của 16 lần cụ thể: Ngày 10/01/2023 nhận 50.000.000 đồng; Ngày 20/01/2023 nhận 50.000.000 đồng; Ngày 12/12/2023 nhận 40.000.000 đồng; Ngày 20/04/2024 nhận 20.000.000 đồng; Ngày 14/6/2024 nhận 60.000.000 đồng; Ngày 15/06/2024 nhận 20.000.000 đồng; Ngày 17/6/2024 nhận 20.000.000 đồng; Ngày 23/6/2024 nhận 20.000.000 đồng; Ngày 30/06/2024 nhận 30.000.000 đồng; Ngày 08/8/2024 nhận 40.000.000 đồng; Ngày 24/8/2024 nhận 20.000.000 đồng; Ngày 26/8/2024 nhận 30.000.000 đồng; Ngày 05/9/2024 nhận 30.000.000 đồng; Ngày 10/9/2024 nhận 10.000.000 đồng; Ngày 22/9/2024 nhận 50.000.000 đồng; Ngày 28/9/2024 nhận 20.000.000 đồng; chị A đều có ký tên và ghi rõ họ tên của chị đầy đủ vào các giấy nợ.

[4.2]. Nay chị A không có ý kiến gì về các chứng cứ do anh N, chị H giao nộp, vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho chị A có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị “về việc anh N, chị H có yêu cầu chị A, anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 510.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến ngày Tòa án

giải quyết xong vụ án”, nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, **chị A** vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của **anh N, chị H**, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do **anh N, chị H** giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại **khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự**, nên xem như mặc nhiên **chị A** thừa nhận còn nợ **anh N, chị H** số tiền nợ vay nêu trên.

[4.3]. Từ cơ sở phân tích trên, xác định được **chị A** có vay của **anh N, chị H** và còn nợ lại 510.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, **không** tính lãi suất, nên được xem là Hợp đồng vay **không kỳ hạn** và **không có lãi** theo quy định tại **khoản 1 Điều 469** của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng vay thấy rằng, **chị A** đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho **anh N, chị H** đầy đủ, mặc dù **anh chị** đã báo trước thời hạn 01 tháng; nên **anh N, chị H** khởi kiện yêu cầu **chị A** trả số tiền nợ vay 510.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, **469** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Anh N, chị H yêu cầu tính lãi suất từ ngày mượn nợ cuối 28/9/2024 nhưng tính chẵn từ ngày 01/10/2024 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 10 tháng 20 ngày, tính tròn 10 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, là phù hợp với quy định tại **khoản 4 Điều 466** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

510.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 42.330.000 đồng.

Tổng cộng: Vốn gốc và lãi là 552.330.000 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 510.000.0000 đồng.

+ Nợ lãi: 42.330.000 đồng.

[6]. Xét yêu cầu buộc **anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ liên đới trả nợ:**

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, xác định giữa **chị A** và **anh N** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 076/2013 ngày 19/11/2013, nên **chị A** và **anh N** là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, nợ chung này **phát sinh trong thời kỳ** hôn nhân và nhằm phục vụ kinh tế chung trong gia đình, nên buộc **anh N** có nghĩa vụ liên đới trả nợ với **chị A** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 552.330.000 đồng là:

$$\begin{aligned} 552.330.000 \text{ đồng} &= 20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 152.330.000 \text{ đồng}) \\ &= 26.093.200 \text{ đồng}. \end{aligned}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **điểm b khoản 2 Điều 227**, khoản 3 Điều 228; **khoản 2 Điều 91**; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NGuyễn Văn N (T) và chị Lư THị Hồng H đối với chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu N về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh NGuyễn Văn N (T) và chị Lư THị Hồng H số tiền nợ vay là 552.330.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng).

+ Nợ lãi: 42.330.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày **có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu N phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 26.093.200 đồng (Hai mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

4.2. Anh NGuyễn Văn N (T) và chị Lư THị Hồng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.284.660 đồng (Mười hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0011174 ngày **26** tháng **3** năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh NGuyễn Văn N (Thêm), chị Lư THị Hồng H, anh Nguyễn Hữu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Bùi Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

